

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ ĐIỆN TỬ TRIỆU GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ ĐIỆN TỬ TRIỆU GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRIEU GIA MECHATRONIC TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110033671

**3. Ngày thành lập:** 16/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Ấp Trung Hậu, Xã Tiền Phong, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904540568

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                        | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                        | 4330        |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                   | 4390        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm)                                                                        | 4649        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                       | 4659        |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ Bán buôn vàng và kim loại quý khác)                                                       | 4662        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                               | 4663        |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                     | 4669(Chính) |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299        |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                        | 7410        |
| 11. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                     | 4690        |
| 12. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                     | 1621        |
| 13. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                               | 1622        |
| 14. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                               | 1623        |
| 15. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                              | 1629        |
| 16. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                        | 1701        |
| 17. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                   | 1702        |
| 18. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                      | 1709        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                    | 2013 |
| 20. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                            | 2220 |
| 21. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                          | 2511 |
| 22. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                        | 2591 |
| 23. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592 |
| 24. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                             | 2593 |
| 25. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                             | 2599 |
| 26. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                           | 2829 |
| 27. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                    | 3290 |
| 28. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                  | 3311 |
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 30. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 31. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 32. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 33. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 34. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 35. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 36. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 37. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291 |
| 38. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 39. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 40. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 41. | Phá dỡ<br>(Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)                                                                                                                                | 4311 |
| 42. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)                                                                                                                     | 4312 |
| 43. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 44. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN DUY THIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/12/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083030248

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ấp Trung, Xã Tiền Phong, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ấp Trung, Xã Tiền Phong, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội